

# NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG VỀ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA GIÁO DỤC TIỂU HỌC

• THS. DẶNG HUỖNH MAI \*

## I. Mục tiêu của giáo dục phổ thông và giáo dục tiểu học Việt Nam

Luật Giáo dục 2005 đã đặt cơ sở pháp lý để phát triển nền giáo dục Việt Nam một cách bền vững. Luật Giáo dục 2005 (điều 27) đã quy định mục tiêu giáo dục phổ thông và giáo dục tiểu học (GDTH) Việt Nam như sau:

"1. Mục tiêu của giáo dục phổ thông là giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa, xây dựng tư cách và trách nhiệm công dân: chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học lên hoặc đi vào cuộc sống lao động, tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. GDTH nhằm giúp học sinh hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển đúng đắn và lâu dài về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản để học sinh tiếp tục học trung học cơ sở".

## II. Đặc điểm tình hình giáo dục tiểu học Việt Nam giai đoạn hiện nay

### 1. GDTH Việt Nam đang thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi

Năm 2000, nước ta hoàn thành phổ cập GDTH - chống mù chữ, giai đoạn tập trung huy động trẻ em đi học, duy trì số lượng trẻ em đến lớp, chống thất học, bỏ học. Từ năm học 1999 - 2000 đến năm học 2005-2006, số học sinh tiểu học giảm dần từ trên 10 triệu xuống còn 7.150.000, nhưng số học sinh đã học đúng độ tuổi lại tăng từ 94, 8% năm học 1998 - 1999 lên 98,8% năm học 2005 - 2006. Trên cơ sở đó, giáo dục tiểu học đang tiến tới thực hiện phổ cập đúng độ tuổi. Đây là giai đoạn giáo dục tiểu học chú trọng đến chất lượng của sự phổ cập, hiệu quả của quá trình dạy học, chuẩn bị cơ sở cho

việc phổ cập trung học cơ sở. Đến tháng 6/2006 đã có 36 tỉnh thành phố đạt chuẩn phổ cập tiểu học đúng độ tuổi. Phấn đấu đến 2010 cả nước hoàn thành một cách vững chắc phổ cập tiểu học đúng độ tuổi. Tuy nhiên đây lại là chặng đường hết sức gian nan đối với ngành GDTH.

### 2. Tiến tới hoàn thành giai đoạn đầu của quá trình thực hiện chương trình và sách giáo khoa (SGK) mới

Năm học 2002 - 2003 bắt đầu thực hiện chương trình và SGK mới ở lớp 1. Năm học tới, năm học 2006 - 2007 sẽ thực hiện chương trình và SGK mới ở lớp 5, hoàn thành giai đoạn đầu phấn đấu từng bước làm quen để tiến tới làm chủ nội dung và đổi mới phương pháp dạy học.

### 3. Đội ngũ GV tiểu học đi dần vào ổn định, khắc phục tình trạng thiếu GV

Cách đây 10 năm, nước ta thiếu 80 - 90 ngàn GV tiểu học. Bằng nhiều biện pháp thực hiện đào tạo, bồi dưỡng GV, tình trạng thiếu GV tiểu học đã được hạn chế dần. Năm học 2001-2002, số lượng GV tiểu học đạt tới 353 804 người, bắt đầu xuất hiện tình trạng thừa cục bộ GV tiểu học (đó là ở những huyện hoặc tỉnh đạt trên định mức 1,15 GV/lớp). Đến năm học 2003-2004 số GV tiểu học đạt mức cao nhất với 362 627 người. Lúc này phần đông các tỉnh đạt trên mức 1, 15 GV/lớp. Từ năm học 2004 - 2005 số GV giảm dần, tình trạng thiếu GV hoặc thừa GV cục bộ đã được khắc phục. Tuy nhiên lúc này những yếu kém về kiến thức khoa học bộ môn, về kỹ năng sư phạm (kỹ năng dạy học, giáo dục học sinh...) ngày càng bộc lộ rõ. Nhu cầu bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn ngày càng lớn do trước đây nhiều GV chỉ được đào tạo ngắn hạn, cấp tốc. Đây là những thách thức mới cho quá trình phát triển đội ngũ GV tiểu học đầu thế kỷ XXI.

\* NGUT, Thứ trưởng Bộ GD-ĐT

**4. GDTH dần dần được tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học**

Chương trình kiên cố hoá trường học, kế hoạch tăng cường trang thiết bị phục vụ dạy chương trình, SGK mới... được thực hiện đã dần dần tăng cường cơ sở trường lớp, thiết bị dạy học cho các trường tiểu học. Nhưng ở các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa... trường sở vẫn còn thiếu và chất lượng thấp, thiết bị chưa đủ. Đặc biệt ở các trường miền núi, hải đảo, tình trạng trên càng trầm trọng.

Những đặc điểm trên vừa thể hiện những thuận lợi vừa bộc lộ các khó khăn của GDTH trong những năm tới. Vì vậy cần có các định hướng đúng cho sự phát triển GDTH trong vòng năm bảy năm tới.

**III. Định hướng phát triển bền vững GDTH ở Việt Nam**

**1. Thực hiện chiến lược nâng cao chất lượng GDTH, đảm bảo phổ cập tiểu học đúng độ tuổi, đáp ứng yêu cầu của đất nước giai đoạn công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập (cần người tài, người lao động sáng tạo)**

- Chuẩn bị một nguồn nhân lực chất lượng cao, những lao động sáng tạo trên tất cả mọi lĩnh vực kinh tế, văn hoá, giáo dục, y tế, xã hội... tạo mặt bằng dân trí ngang tầm với các nước trên thế giới và trên nền đó xuất hiện ngày càng nhiều nhân tài là sứ mệnh vẻ vang của giáo dục nước ta thời kì công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập. Con đường duy nhất để hoàn thành sứ mệnh đó là đi vào chất lượng, là nâng cao chất lượng giáo dục, là chống bệnh thành tích, chống lại mọi gian dối trong thi cử, là chống chủ nghĩa trung bình trong học tập, là động viên ý chí tiến thủ, khơi dậy khát vọng chiếm lĩnh các đỉnh cao của cả thầy và trò trong giảng dạy và học tập. Không tạo ra nguồn lực đó, giáo dục sẽ không có nội lực để đi lên, để vượt qua những ngáng trở bộn bề hiện nay.

- Phát triển GDTH ở các vùng dân tộc, vùng sâu, vùng xa, đảm bảo quyền lợi học tập cho mọi trẻ em, đặc biệt là trẻ em dân tộc, trẻ em gái, trẻ em khó khăn thiết thòi là biện pháp cơ bản đảm bảo phổ cập tiểu học đúng độ tuổi trên cả nước, tạo nên sự công bằng, bình đẳng, dân chủ trong giáo dục. Chúng ta thực hiện định hướng trên trong hoàn cảnh đang có nhiều thuận lợi nhưng cũng không ít thách thức. Thuận lợi là do

có sự cố gắng nỗ lực của thầy và trò, sự chăm sóc của xã hội (qua các chủ trương kiên cố hoá trường học, chương trình 135 xoá đói giảm nghèo ở vùng núi, vùng đồng bào dân tộc...), do kết quả học tập ở các vùng này được nâng lên (qua các kì kiểm tra đánh giá tỉ lệ học sinh đạt loại yếu bắt đầu giảm dần); tỉ lệ lưu ban, bỏ học giai đoạn 1999 – 2003 cũng được hạ thấp... Những tiền đề đó tạo đà cho sự phát triển giáo dục ở các vùng đồng bào dân tộc, vùng khó khăn. Tuy nhiên, những khó khăn, thách thức ở đây còn rất lớn: trình độ kinh tế, xã hội thấp kém, lạc hậu, sự hiểu biết của cha mẹ học sinh về quyền học tập của trẻ em còn bị hạn chế, đời sống các gia đình gặp nhiều khó khăn, nếp sống lạc hậu... Những khó khăn đó đòi hỏi toàn ngành, toàn xã hội, đặc biệt đòi hỏi các cấp chính quyền và các cấp quản lí giáo dục ở các tỉnh, thành, các quận, huyện, các trường tiểu học cũng như các thầy cô giáo phải nỗ lực quyết tâm rất lớn mới có thể thực hiện được phổ cập tiểu học đúng độ tuổi, đảm bảo quyền lợi học tập cho mọi trẻ em ở các vùng này.

- Đưa việc đổi mới GDTH đi vào chiều sâu. Cùng với việc triển khai dạy chương trình và SGK mới ở lớp 5, các trường tiểu học, các cấp quản lí giáo dục cần chỉ đạo, tổ chức cho GV ngày càng nắm vững các nội dung dạy học gắn liền với yêu cầu của từng vùng miền, đổi mới cách soạn giáo án, nắm vững chuẩn kiến thức và kĩ năng, nắm sát khả năng học tập của học sinh trong lớp... theo tinh thần chỉ đạo trong công văn 896 ngày 13 /02/2006. Thúc đẩy việc xây dựng trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 1 và 2, thực hiện mức chất lượng tối thiểu ở các trường tiểu học vùng khó khăn.

- Phát triển dạy học hai buổi/ngày, trong đó buổi thứ hai chỉ dành để dạy các môn tự chọn (Ngoại ngữ, Tin học...), các môn năng khiếu (Âm nhạc, Mĩ thuật, Thể dục...), phụ đạo cho các học sinh kém, bồi dưỡng học sinh giỏi...

- Khuyến khích xây dựng các trường tiểu học chất lượng cao, trường tiểu học theo tiêu chuẩn quốc tế... bằng mọi nguồn lực trong nhân dân, trong xã hội... để đáp ứng yêu cầu học tập đa dạng của các bộ phận dân cư khác nhau.

- Chú trọng giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật, tạo điều kiện để trẻ khó khăn, thiết thòi được hưởng quyền học tập, vừa bảo đảm quyền học

tập cho mọi trẻ em, vừa thể hiện chính sách nhân đạo, nhân văn mà toàn thế giới cũng như Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm

Giáo dục trẻ khuyết tật ở độ tuổi tiểu học được thực hiện dưới hai hình thức giáo dục chuyên biệt và giáo dục hoà nhập. Giáo dục chuyên biệt là hình thức tổ chức tập trung, là sự kết hợp giữa dạy và điều trị. Giáo dục hoà nhập là đưa học sinh khuyết tật vào học cùng với học sinh bình thường trong một lớp. Lớp học có thể có từ 1 đến 2 hoặc tối đa là 3 học sinh khuyết tật (tùy theo độ nặng nhẹ). Dạy học ở đây được hiểu theo nghĩa là tìm và phát huy cho được khả năng bẩm sinh được bù trừ của các em để khắc phục khuyết tật, hay nói theo cách nói dân gian là tìm biện pháp phát triển "nặng khiêu trời cho" trẻ khuyết tật để các em tiếp nhận các hiểu biết về khoa học và xã hội, phát triển năng lực thực hành. Vì vậy các cấp quản lí giáo dục cần thực hiện nghiêm túc Quy định về giáo dục hoà nhập dành cho người tàn tật, khuyết tật được ban hành tại Quyết định 23/2006/QĐ-BGDĐT ngày 22/5/2006.

Muốn làm cho mọi trẻ em Việt Nam được học hết tiểu học và THCS thì ngoài nhiệm vụ giáo dục đại trà, mũi nhọn, chúng ta phải thực hiện một chương trình giáo dục hoà nhập về mặt xã hội. Hoà nhập về mặt xã hội là một khái niệm mới đã và đang được thực hiện ở các nước phát triển. Với khái niệm này mỗi trẻ sẽ được vào học với các bạn cùng một tuổi (hoặc thấp hơn 1 tuổi) trong cùng một lớp. Để GV có thể giảng dạy tốt, cần tạo điều kiện cho GV đổi mới phương pháp giảng dạy và chủ động trong việc thực hiện mục tiêu bài dạy một cách đa dạng.

## **2. Thực hiện nguyên lí giáo dục "học đi đôi với hành, giáo dục gắn liền thực tiễn, nhà trường gắn liền xã hội"**

Với nguyên lí này, Bác Hồ kính yêu của chúng ta đã từng nói: "Giáo dục phải theo hoàn cảnh và điều kiện" và "Một chương trình nhỏ mà được thực hành hẳn hoi còn hơn một trăm chương trình lớn mà không làm được". Có thể nói đây là một nguyên lí đặc biệt quan trọng bởi thực hiện theo nguyên lí này chúng ta sẽ thuận lợi tiếp cận với thế giới trong lĩnh vực GDTH.

Ở đây, cần phát huy vai trò tự chủ của GV trong giảng dạy để đưa các bài giảng gắn liền với cuộc sống, liên hệ với cuộc sống của địa

phương, của học sinh, khơi dậy trong mỗi học sinh lòng khát khao các tri thức khoa học, ý chí vươn lên trong học tập.

SGK có giới thiệu nhiều tấm gương với ý chí và nghị lực, đã vượt lên những khó khăn của số phận và cuộc sống để đạt nguyện vọng cao đẹp, để cống hiến nhiều hơn nữa cho xã hội như các tấm gương Lê-ô-na Đờ-vanh-xi, Nguyễn Ngọc Kí, Lương Đình Của, Trần Đại Nghĩa, Bạch Thái Bưởi, Lí Tự Trọng, Lương Ngọc Quyến... Dạy các bài đó, GV nên khéo khơi gợi để học sinh tự kể về những sự nỗ lực vượt khó của bản thân và bạn bè trong học tập, thắp lên trong các em ý chí vượt qua thử thách trong cuộc sống, biết vận dụng kiến thức sách vở vào hành động thực tế vì cộng đồng xã hội.

Ở nhiều nước, nhà trường chú trọng giáo dục kĩ năng sống cho học sinh, đây là một nội dung dạy học gắn giáo dục với thực tiễn đời sống, gắn học với hành. Ở nước ta, giáo dục kĩ năng sống đã được thử nghiệm và giới thiệu ở một số trường học, một số địa phương. Giáo dục kĩ năng sống cần được chú ý trong quá trình dạy học, trong đó việc rèn luyện để hình thành kĩ năng ra quyết định và chịu trách nhiệm trước quyết định của mình có vị trí quan trọng.

Cần khuyến khích GV, các cấp quản lí giáo dục (ở trường tiểu học, ở các phòng giáo dục) phát huy sáng kiến để đưa nhà trường gắn liền hơn nữa với cuộc sống xã hội (như phương hướng nêu trong văn bản 896/BGD&ĐT-GDTH). Có thể nêu ra đây một ví dụ sinh động: ở Thái Lan, một trường tiểu học tại Băng-Cốc mở một ngân hàng nhỏ hoạt động trong nhà trường nhằm mục đích giúp học sinh làm quen và biết cách giao dịch với ngân hàng qua việc thanh toán tiền ăn hoặc tiền mua đồ dùng học tập... Ngân hàng này mở cửa mỗi tuần 3 buổi, mỗi buổi 1 giờ trước khi giờ học bắt đầu.

Khi kiểm tra, đánh giá trong dạy học ở tiểu học, cần chú trọng đánh giá việc vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Có thể nói, bất kì một người tài nào trên thế giới đều mang đậm dấu ấn của những người thầy của họ. Vì vậy mọi sự đánh giá của GV tiểu học từ một lời khen, một sự động viên cũng như một sự chê trách đối với trẻ là vô cùng quan trọng trong đời sống học đường. Ở đây cần coi trọng cả hai hình thức đánh giá là đánh giá định tính và đánh giá định lượng.

Khi đánh giá quá trình học tập, điều quan trọng là GV cần phải tạo cho các em phát triển năng lực, năng khiếu để tạo cho các em niềm tin vào chính bản thân mình, tin vào thầy cô giáo, vào nhà trường cũng như bố mẹ các em. Ví dụ ở một lớp học, cô giáo dạy bài số nhỏ bằng mấy phần của số lớn, trong SGK hầu hết số nhỏ đều bằng  $1/3, 1/4, \dots, 1/8$  số lớn. Ở một lớp nọ, khi GV bất ngờ đưa ra bài tập: số con bò là 7, số con trâu cũng là 7. Hỏi số con trâu bằng mấy phần của số con bò. Một học sinh rất bình thường đã trả lời là  $1/1$ . Một học sinh giỏi vì bị ảnh hưởng của bài tập trước đã trả lời là  $1/2$ . Và em học sinh bình thường kia tuy làm đúng nhưng lại vội vàng thay đổi kết quả của mình thành  $1/2$ . Trong trường hợp này GV nên xử lý thế nào? Nếu GV biết kịp thời chỉ ra sai lầm của em học sinh bình thường là do thiếu tự tin nên đã đi từ việc giải bài tập đúng thành giải bài tập sai. Điều ấy sẽ giúp em học sinh này biết tự tin và nhờ vậy một thời gian sau em học sinh đó có thể sẽ trở thành học sinh giỏi toán. Nói chung GV cần tôn trọng và chăm chút đối với mọi khả năng của trẻ khi đánh giá kết quả học tập của các em. Bởi vì, như các nhà tâm lý học đã phân tích thì lứa tuổi tiểu học là giai đoạn tốt nhất để phát triển và nuôi dưỡng tài năng cho đất nước trên nhiều lĩnh vực như khoa học, văn hoá, nghệ thuật..., và kể cả lĩnh vực giáo dục của chúng ta nữa.

### 3. Thực hiện chiến lược nâng cao năng lực chuyên môn GV tiểu học theo chuẩn nghề nghiệp

GV là người quyết định chất lượng dạy học. Ai cũng nhất trí với nhận định đó. Chúng ta đã vượt qua giai đoạn thiếu GV để hướng tới mục tiêu nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ này. Do đó, giai đoạn hiện nay là giai đoạn "trả món nợ" đào tạo ngắn hạn, đào tạo cấp tốc và nhiều giải pháp khác của giai đoạn trước để có đủ GV phục vụ sự phát triển của GDTH. Nhiệm vụ lớn có tính chiến lược hiện nay trong việc xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý theo chỉ thị 40 của Ban bí thư và Quyết định 09 của Chính phủ là thực hiện bồi dưỡng, đào tạo lại đội ngũ GV... Với GV tiểu học, nhiệm vụ này càng nặng nề vì GV tiểu học được đào tạo theo quá nhiều hệ khác nhau. Nhưng bồi dưỡng hoặc đào tạo lại đội ngũ này thế nào để họ thực sự được nâng cao năng lực chuyên môn chứ không chạy theo

bằng cấp trong khi năng lực chuyên môn vẫn yếu kém? Có nhiều giải pháp phải thực hiện, trong đó có giải pháp quản lý đội ngũ GV theo chuẩn nghề nghiệp. Bên cạnh việc phấn đấu để hầu hết GV tiểu học đạt chuẩn đào tạo, cần đề ra chuẩn nghề nghiệp để GV tiểu học phấn đấu, không ngừng nâng cao và hoàn thiện năng lực chuyên môn của mình. Quản lý và phát triển đội ngũ GV tiểu học theo chuẩn nghề nghiệp là tiếp cận với cách quản lý đội ngũ lao động nói chung, đội ngũ GV tiểu học nói riêng của các nước tiên tiến trên thế giới.

Căn cứ vào các kết quả nghiên cứu về chuẩn nghề nghiệp GV tiểu học Việt Nam, căn cứ vào nhu cầu bồi dưỡng của 25000 GV tiểu học thu thập được qua việc vận dụng chuẩn nghề nghiệp thì công tác bồi dưỡng GV cần hướng tới việc nâng cao kiến thức và kỹ năng dạy các môn học (đặc biệt các môn Toán, Tiếng Việt, các môn năng khiếu,...), kỹ năng diễn đạt, tổ chức hoạt động cho học sinh chiếm lĩnh kiến thức các môn học, kỹ năng làm và sử dụng các thiết bị dạy học, kỹ năng sử dụng phương tiện công nghệ thông tin vào dạy học, kỹ năng đánh giá kết quả học tập...

Việc đổi mới phương pháp dạy học đã thực hiện từ năm bảy năm trở lại đây và đã thu được nhiều kết quả. Tuy nhiên, không phải GV nào, trường tiểu học nào cũng đã thực hiện đổi mới phương pháp dạy học. Vì thế thời gian tới, các cấp quản lý giáo dục phải đưa việc đổi mới phương pháp thành nếp dạy của GV tiểu học.

### 4. Đổi mới công tác quản lý GDTH

Trong giai đoạn sắp tới công tác quản lý GDTH cần tập trung đổi mới theo các hướng sau đây:

1. Nâng cao chất lượng của từng trường tiểu học để nhân dân địa phương tin tưởng vào ngôi trường đóng trên địa bàn.

2. Hiệu trưởng và Ban giám hiệu giúp GV và các tổ khối chuyên môn xây dựng kế hoạch giảng dạy phù hợp với từng lớp học và đối tượng học sinh cụ thể trong mỗi lớp học đó theo văn bản 896.

3. Tạo điều kiện cho GV có thể chủ động trong quá trình cụ thể hoá "phân phối chương trình" để chủ động trong việc giảng dạy dựa trên mục tiêu giáo dục, kế hoạch dạy học và chương trình của Bộ; từ đó có thể khắc phục được tình

trạng GV chưa biết phải làm gì cho đúng với tình trạng học sinh của mình. GV được phép dạy riêng cho học sinh bị chậm phát triển hoặc vì một lí do nào đó mà không thể theo được các bạn trong cùng lớp học, nhưng phải đảm bảo được kế hoạch dạy học của môn học như công văn số 869 đã hướng dẫn.

4. Sự đổi mới về cách quản lí điểm học lực: Điểm lên lớp chỉ dựa vào điểm kiểm tra ở học kì II là để nhà trường tổ chức kiểm tra học sinh một cách nghiêm túc, khách quan, minh bạch, phản ánh đúng thực chất sau 1 năm học tập của học sinh. Như thế GV không phải mang tiếng vì đã tạo sự phụ thuộc cho phụ huynh học sinh và học sinh, vì những điểm số hàng ngày dẫn đến tình trạng phụ huynh học sinh phải đưa con đến cho GV dạy thêm (ở đây loại trừ những GV thực sự quan tâm đến chất lượng học tập của học sinh mà mình đã tận tâm phục vụ).

Điểm số hàng ngày (hoặc nhận xét) là một sự động viên và khích lệ đối với trẻ. Đồng thời GV luôn phấn đấu và chú ý để không phải nặng lời, không nói cái xấu của học sinh trước lớp.

Công tác quản lí nhất nhất phải xây dựng kế hoạch. Kế hoạch phải chi tiết cụ thể đến từng nhóm đối tượng học sinh, từng GV, cũng như từng GV phải lập kế hoạch giảng dạy cho phù hợp với học sinh của lớp mình. Kế hoạch hoá với các chỉ tiêu mang tính thực tiễn cao sẽ thể hiện trách nhiệm càng cao của nhà trường và của GV.

5. "Thi đua dạy tốt và học tốt" là một phong trào do Bác Hồ đã phát động. Các nhà trường cần quyết tâm tổ chức thi đua để mọi người có thể mang hết tâm huyết và trí tuệ của mình cho sự nghiệp "trồng người" ở từng trường. Điều quan trọng bậc nhất là khen đúng người, phê phán đúng nơi, đúng lúc, người tốt thì phải được trân trọng và bảo vệ cũng như được tạo điều kiện, dù chỉ là ở góc độ tinh thần thôi cũng đã làm cho đội ngũ ấm lòng mà phấn đấu. Có thể nói rằng mọi sự nỗ lực, cho dù nhỏ nhưng tất cả vì học sinh thân yêu thì chắc chắn sẽ được mọi người ủng hộ. Với tinh thần giáo dục vì sự phát triển bền vững cho từng con em của nhân dân, chúng ta chắc chắn sẽ có một đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lí được mọi người cũng như mọi tổ chức chính trị, xã hội tin cậy.

Giáo dục vì sự phát triển bền vững là phải đảm bảo cho mọi trẻ em đều được đến trường.

Nhà trường là nơi mà trẻ em thực sự được yêu thương, thực sự được chăm sóc, giáo dục và là môi trường học tập thân thiện của trẻ. Điều quan trọng là trẻ em Việt Nam thực sự ham thích đến trường, trẻ em được giáo dục hợp lí phù hợp với tâm sinh lí và với từng đối tượng ở các vùng, miền và các loại hình trường trên đất nước, dựa trên nền tảng của chương trình chung. Sự hợp lí chính là điều kiện để năng lực trẻ em được phát huy cho dù là học sinh yếu (bước đầu), học sinh giỏi hoặc đó là học sinh khuyết tật. Khả năng thực hành mà Bác Hồ đã dạy hay gọi là giáo dục kĩ năng sống như ở các nước cần được thực sự chú trọng. Đó là một khía cạnh của sự phát triển bền vững.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Giáo dục 2005, NXB Giáo dục, 2005
2. Báo cáo về tình hình GD của Chính phủ trình Quốc hội khoá IX, kì họp thứ 6 (tháng 12/2004).
3. Báo cáo sơ kết 3 năm triển khai đổi mới giáo dục phổ thông của Vụ Tiểu học, Bộ GD-ĐT.
4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác khoa giáo, NXB Chính trị Quốc gia, 1/2005.
5. Lâm Quang Thiệp. Việc áp dụng những thành tựu hiện đại của khoa học về đo lường trong giáo dục ở nước ta.
6. Đỗ Đình Hoan. Một số vấn đề cơ bản về chương trình tiểu học mới. NXB Giáo dục, 2002.
7. Nguyễn Hữu Châu. Những vấn đề cơ bản về chương trình và quá trình dạy học. NXB Giáo dục, 2005.
8. James H. Mc Milan. Đánh giá lớp học. Những nguyên tắc và thực tiễn để giảng dạy có hiệu quả. Viện ĐH Quốc gia Virgima. NXB Pearson, 1996. 2001.
9. Tesunesalaro Makiguchi. Giáo dục vì cuộc sống chúng ta. Trường ĐH Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, NXB Trẻ, 1994.

#### SUMMARY

The author analyzes characteristics of the current educational situation in Vietnam at the primary level on which basis to suggests several such orientations to the sustainable development of primary education as:

- 1/ Improving the quality of primary education and ensuring universal primary education for children in the right age;
- 2/ Practising the Principle of education: study goes hand in hand with practice, education is closely linked to realities and school is linked to the community;
- 3/ Upgrading the professional qualifications of primary school teachers under the professional standards;
- 4/ Renewing management in primary education.